TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **57**/2019/QĐST-DS	*S, ngày 22 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, 357, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

- Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 68/2019/TLST-DS, ngày 04 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Phạm Văn T, sinh năm 1967. Trú tại: Thôn B, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- ***Bị đơn:*** Ông B, sinh năm 1981; bà N, sinh năm 1980. Cùng trú tại: Thôn X, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Bà Lê Thị H, sinh năm 1972. Trú tại: Thôn B, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 - Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Trần Văn B, bà Trần Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Văn T, bà Lê Thị H số tiền nợ gốc 100.000.000đ *(Một trăm triệu đồng)* và lãi suất theo thỏa thuận kể từ tháng 01/2019 đến 30/9/2019 là 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)*. Tổng cộng là **110.000.000đ** *(Một trăm mười triệu đồng)*. Trong đó ông Trần Văn B phải trả 55.000.000đ *(Năm mươi lăm triệu đồng)*; bà Trần Thị N phải trả 55.000.000đ *(Năm mươi lăm triệu đồng)*.

Khoản tiền phải trả kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông T, bà H, nếu ông B, bà N chậm trả thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.2 - Ông Phạm Văn T, bà Lê Thị H có nghĩa vụ trả lại 02 (hai) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản gốc): Số BR195160 thửa số 276 tờ bản đồ số 60 và số BR195157 thửa số 275 tờ bản đồ số 60 tại thôn X, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang cho ông Trần Văn B, bà Trần Thị N khi ông B và bà N đã trả xong khoản tiền 110.000.000đ *(Một trăm mười triệu đồng).*

2.3 - Về án phí:

Ông Trần Văn B, bà Trần Thị N phải chịu 2.750.000đ *(Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự có giá ngạch. Trong đó ông B phải chịu 1.375.000đ *(Một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)*, bà N phải chịu 1.375.000đ *(Một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)*.

Ông Phạm Văn T và bà Lê Thị H không phải chịu án phí. Trả lại cho ông Phạm Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002819 ngày 03/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bàn Văn Thế